

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HSST

Ngày: 19 /4 /2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Thúy Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Cúc Phương

2. Bà Đỗ Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Điêu T**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 03/10/1989, tại tỉnh Đ;

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 05, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Chỗ ở trước khi bị bắt: Bản H 01, xã L, thị xã Mường Lay, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn D; Con bà: Điêu Thị T (Đã chết); Vợ: Bùi Thị Minh T (Đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 02/01/2022, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đặng Minh T; Địa chỉ: Số nhà 15, tổ dân phố 06, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/01/2022, tổ công tác Công an xã Thanh Minh, thành phố Đ, tỉnh Đ đang làm nhiệm vụ phát hiện bị cáo Điều T đang ngồi tại quán nước của bà Lê Thị N ở tổ 01, xã T, thành phố Đ có biểu hiện phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra, bị cáo tự giác lấy trong túi quần bên phải giao nộp cho tổ công tác 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long, bên trong có 01 gói nhỏ được bọc bên ngoài bằng một mảnh giấy bạc màu vàng, bên trong bọc bằng một mảnh nilon màu trắng, bên trong có 03 viên nén màu hồng, bị cáo khai đó là ma túy, loại Methamphetamine. Nguồn gốc số ma túy trên là vào khoảng 15 giờ cùng ngày, Đặng Minh T, nhà ở tổ dân phố 06, phường T, thành phố Đ gọi điện thoại hẹn bị cáo ra ra nghĩa trang A1 để uống nước, bị cáo đến chỗ hẹn, T trở bị cáo đến quán nước của bà N, khi bà N vào trong nhà, T đưa cho bị cáo vỏ bao thuốc lá chứa gói ma túy như trên, bảo bị cáo cất đi để sử dụng rồi T đi công việc, hẹn xong việc sẽ quay lại. Bị cáo cầm gói ma túy cho vào túi quần bên phải đang mặc, ngồi uống nước chờ T quay lại, thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 02/01/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 145/GĐ-PC09 ngày 10/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Điều T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,27 gam.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS-TPĐBP ngày 30/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Điều T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,24 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh giấy bạc màu vàng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/01/2022, tại tổ dân phố 01, xã Thanh Minh, thành phố Đ, Điều T có hành vi cất giấu trái phép 0,27 gam Methamphetamine trên người, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 17 giờ 00 phút ngày 02/01/2022, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 02/01/2022, kết luận giám định số 145/GĐ-PC09 ngày 10/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo, với mục đích để sử dụng là phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ truy tố bị cáo Điều T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ là 0,27 gam Methamphetamine, căn cứ vào hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có

ngành nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do Đặng Minh T đưa cho bị cáo, nhưng trong quá trình điều tra, T không thừa nhận việc đã đưa ma túy cho bị cáo, cơ quan điều tra không có đủ tài liệu, căn cứ chứng minh, làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen kèm 01 sim điện thoại, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo, bị cáo không dùng làm phương tiện phạm tội. Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả chiếc điện thoại trên cho bị cáo, bị cáo ủy quyền cho bà Điều Thị Thực; địa chỉ: Đội 03, xã Thanh Hưng, huyện Đ, tỉnh Đ nhận hộ cho bị cáo. Xét việc trao trả này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Vật chứng: 0,24 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh giấy bạc màu vàng, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.  
- Tuyên bố bị cáo Điều T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".  
- Xử phạt bị cáo Điều T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (02/01/2022).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,24 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh giấy bạc màu vàng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Đ*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng

cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Thúy Thành**

